

Số: **/KH-MNVT**

Vĩnh Tuy, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH
Đề xuất các khoản thu dịch vụ phục vụ,
hỗ trợ hoạt động giáo dục theo NQ 33, năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về quy định mức thu các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 1767/HD-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Hà Giang hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về quy định mức thu các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông báo số 13/TB-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thông báo Kết luận phiên họp chuyên đề UBND tỉnh tháng 7 năm 2025;

Căn cứ NQ số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Hướng dẫn số 446/SGDĐT-GDPT ngày 26/8/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Tuyên Quang về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non.

Căn cứ Kết luận số 465/KL-UBND ngày 29/8/2025 của UBND xã Vĩnh Tuy về việc tổ chức Hội nghị Chuyên đề về công tác giáo dục và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-MNVT ngày 05/9/2025 của Trường Mầm non Vĩnh Tuy kế hoạch Phát triển nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 589/SGDĐT-KHTC ngày 10/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Tuyên Quang, về việc thực hiện công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Công văn số 698/SGDĐT-KHTC ngày 20/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Tuyên Quang, về việc Hướng dẫn các nội dung cơ bản về thực hiện công khai các khoản thu, chi từ năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 671/UBND-VHXXH ngày 22/9/2025 của UBND xã Vĩnh Tuy, về việc Hướng dẫn các nội dung cơ bản về thực hiện công khai các khoản thu, chi năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 778/SGDDT-KHTC ngày 27/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Tuyên Quang, về việc Hướng dẫn triển khai một số nội dung trong thực hiện vận động, tài trợ trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả biên bản các cuộc họp: Họp tổ rà soát, họp HĐSP, hội đồng trường, Ban đại diện CMHS nhà trường và các nhóm lớp, kết quả họp PHHS toàn trường về việc bàn bạc thỏa thuận thống nhất, xin ý kiến dự thảo Kế hoạch đề xuất các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ HĐGD theo NQ33/2021.

Căn cứ Công văn số 999/UBND-PVHXXH ngày 27/10/2025 của UBND xã Vĩnh Tuy, về việc phê duyệt Kế hoạch thu, nhận các khoản vận động tài trợ và thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường. Trường Mầm non Vĩnh Tuy xây dựng Kế hoạch đề xuất các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Quy mô trường, lớp

Trường Mầm non Vĩnh Tuy có vị trí địa lý tại Thôn Phố Mới, xã Vĩnh Tuy, là một xã thuận lợi của tỉnh Tuyên Quang. Phần lớn nhân dân trên địa bàn có trình độ văn hóa và mức thu nhập ổn định. Học sinh trong nhà trường chủ yếu là dân tộc Kinh.

Tính đến thời điểm tháng 9/2025, nhà trường có tổng số: 13 nhóm, lớp/250 học sinh Trong đó:

- + Nhà trẻ: 04 nhóm với tổng số 69 cháu.
- + Mẫu giáo: 09 lớp với tổng số 182 cháu.
- .+ Trong đó trẻ 5 tuổi: 03 lớp tổng 70 trẻ.

Các nhóm lớp đều được chia theo đúng độ tuổi, 100% các nhóm lớp đều học 2 buổi/ngày và 80% trẻ ăn bán trú tại trường.

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường

a. Trường chính

- Quỹ đất Diện tích tổng có: 2.238.8m²

- Hệ thống các phòng: 8 phòng học kiên cố; 01 nhà lưu trú 02 phòng; 01 phòng hội đồng; 01 phòng y tế; 01 phòng kế toán; 01 phòng Bảo vệ; 01 phòng dành cho giáo viên; 01 nhà bếp; 7 phòng vệ sinh

b. Điểm trường

+ Diện tích Quỹ đất của trường tiểu học (trưa có bìa đỏ)
+ Phòng học kiên cố: 02 phòng; bán kiên cố 02 phòng; 01 Nhà bếp; 04 phòng vệ sinh.

Khuôn viên có tường rào bao quanh, có cổng trường, biển trường đầy đủ.

Năm học 2025-2026, Nhà trường có tổng số 12 phòng học.¹ Các phòng học được xây dựng đúng quy cách, có đủ ánh sáng, đảm bảo an toàn cho trẻ, có hiên chơi đảm bảo diện tích quy định.

Nhà trường có các công trình phụ trợ theo quy định: Nhà để xe cho CBGV, khu bếp nấu ăn đảm bảo vệ sinh theo quy trình bếp một chiều; nhà vệ sinh cho CBGV và có nguồn nước sạch (giếng khoan).

Sân trường có cây xanh bóng mát, xây dựng bồn hoa, vườn rau cây cảnh.

Dự kiến tháng 12/2025 nhà trường chuyển toàn bộ hơn 70 học sinh điểm trường về học tại trường chính. Nhà trường được đầu tư thêm 4 phòng học đang xây để chuyển toàn bộ học sinh điểm trường lên học tại trường chính.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi

Nhà trường luôn nhận được quan tâm đầu tư, chỉ đạo sát sao của Đảng - HĐND-UBND-UBMT tổ Quốc xã Vĩnh Tuy.

Cơ sở vật chất khang trang sạch đẹp trang thiết bị dạy học đầy đủ đáp ứng được yêu cầu của giáo dục Mầm non. Đội ngũ giáo viên cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn, tỉ lệ học sinh đến trường lớp tăng. Chất lượng giáo dục, chăm sóc trẻ ngày một đi lên, tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm. Nhà trường luôn được sự tín nhiệm của cấp trên và phụ huynh học sinh, hằng năm đều được xếp loại tập thể tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen và tặng cờ thi đua. Đơn vị nhà trường luôn đạt: Cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa; Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Năm học 2023-2024, Nhà trường được UBND Tỉnh tặng “Cờ thi đua” theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh Hà Giang. Năm học 2024-2025 Công đoàn được nhận cờ thi đua của LĐLĐ tỉnh Hà Giang theo quyết định số 395/QĐ-LĐLĐ ngày 16/6/2025 của Liên đoàn Lao LĐLĐ tỉnh.

Phần lớn đội ngũ giáo viên và nhân viên đều có tinh thần trách nhiệm trong công việc. 100% Viên chức quản lý, giáo viên và nhân viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy. 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn cao (đạt trên 93%).

Đại bộ phận nhân dân có đời sống vật chất và tinh thần ổn định nên tương đối thuận lợi cho công tác xã hội hóa giáo dục. Phụ huynh luôn ủng hộ nhiệt tình, phối kết hợp tốt trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi đến trường cao, đạt chỉ tiêu huyện giao. Hầu hết trẻ đều chăm ngoan, nề nếp, nhận thức tốt, đi học đều, tỷ lệ trẻ chuyên cần cao².

3.2. Khó khăn

Nhà trường tổ chức cho trẻ học 02 buổi/ngày, ăn ngủ bán trú tại trường, tuy nhiên nguồn ngân sách nhà nước cấp hạn hẹp (chủ yếu chi lương cho VCQL, giáo viên và nhân viên trong biên chế) không có kinh phí để trả lương thuê cấp dưỡng nấu ăn.

Ngoài thời gian theo quy định về giờ hành chính, giáo viên phải tổ chức cho trẻ ăn, ngủ bán trú buổi trưa tại trường. Tuy nhiên, do nguồn ngân sách nhà nước cấp hạn hẹp nên không có kinh phí để hỗ trợ cho giáo viên quản lý học sinh ăn, ở bán trú.

Việc tổ chức bán trú cho học sinh cần kinh phí để mua sắm đồ dùng thiết yếu như (đồ dùng nhà bếp, đồ dùng cá nhân của trẻ, đồ dùng chung của lớp...) tuy nhiên nguồn ngân sách hạn hẹp không có kinh phí để chi mua sắm các đồ dùng phục vụ bán trú. Hệ thống đường điện, nước và các thiết bị phục vụ học sinh thường xuyên hỏng hóc.

Việc tổ chức các hoạt động giao lưu, trải nghiệm chưa được thực hiện thường xuyên; việc tổ chức các lớp năng khiếu (dạy ngoại ngữ, các lớp năng khiếu nghệ thuật) chưa tổ chức thực hiện được vì nhà trường không có kinh phí để tổ chức.

II. MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Mục đích

Huy động sự đóng góp của phụ huynh để hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho học sinh.

Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường trong việc quản lý, chăm sóc, giáo dục học sinh. Làm chuyển biến nhận thức nhân dân và phụ huynh về vị trí, vai trò quan trọng của công tác xã hội hóa giáo dục trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Nguyên tắc thực hiện

Việc thực hiện các khoản thu dựa trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; trên cơ sở thỏa thuận; thực hiện thu đúng, thu đủ, chi đúng mục đích. Có dự toán thu, chi từng khoản, mức thu không vượt quá mức thu của Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh.

Không sử dụng nguồn thu của hoạt động dịch vụ này để chi hoạt động dịch vụ khác. Kết thúc năm tài chính còn dư kinh phí chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng. Đối với học sinh cuối cấp học, khi kết thúc năm học, trường hợp còn dư kinh phí hoàn trả cho gia đình.

3. Quy trình thực hiện

* **Bước 1:** Hiệu trưởng nhà trường Quyết định thành lập Hội đồng đề xuất các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026.

* **Bước 2:** Căn cứ thực trạng cơ sở vật chất và nhu cầu thực tế để xây dựng kế hoạch, dự kiến số lượng học sinh tham gia, dự kiến tổng kinh phí của từng loại và đề xuất định mức thu của từng loại dịch vụ. Báo cáo Hội đồng Trường thẩm định.

* **Bước 3:** Hội đồng trường tổ chức họp xét, thảo luận, thống nhất, sau đó trình dự thảo Kế hoạch, kèm dự toán chi tiết nộp UBND xã Vĩnh Tuy phê duyệt.

* **Bước 4:** Tổ chức thực hiện: Thông báo tới phụ huynh và học sinh. Cha mẹ, người giám hộ học sinh làm đơn tham gia dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường. Sau đó nhà trường tổ chức họp với cha mẹ học sinh, triển khai, thống nhất các nội dung thực hiện.

III. CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ HĐGD

1. Dịch vụ tuyển sinh (thực hiện theo Kế hoạch số 61/KH-MNVT ngày 21/5/2025 của Trường Mầm non Vĩnh Tuy kế hoạch thu dịch vụ tuyển sinh).

- Đối tượng thu: Học sinh (từ 13 tháng đến 72 TT tuổi).
- Mức thu: 45.000đ/ học sinh.
- Dự kiến số học sinh tham gia dịch vụ: 70 trẻ. Cả năm học.
- Cơ chế thu: Thu theo đợt xét tuyển trong năm học.
- Thời gian thu: Thời điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển.
- Cơ chế sử dụng: Chi trả 85% cho hội đồng xét tuyển sinh của nhà trường. Trích 15% cho hội đồng xét duyệt cấp trên.

2. Dịch vụ phục vụ

2.1. Dịch vụ bán trú

a) Tiền ăn

- Đối tượng thu: Học sinh ăn bán trú tại nhà trường.

- Mức thu: Học sinh NT + MG 16.000đ/trẻ/ngày (theo tình hình thực tế giá cả thị trường và theo thỏa thuận với phụ huynh).

- Dự kiến số học sinh tham gia: 250 trẻ. Tính đến hết năm học.

- Cơ chế thu: Thu theo tuần dựa trên cơ sở số ngày thực ăn của học sinh. Cuối tuần học sinh ăn không hết thì phần kinh phí đó sẽ được chuyển vào tuần tiếp theo.

- Thời gian thu: Đầu tuần, tháng.

- Cơ chế sử dụng: Chi 100% cho bữa ăn chính và bữa ăn phụ của học sinh theo thỏa thuận.

b) Tiền thuê cấp dưỡng

- Đối tượng thu: Học sinh ăn bán trú tại nhà trường (riêng đối với trẻ em có hoàn cảnh thật sự khó khăn miễn hoặc giảm trong buổi Hội nghị PHHS đầu năm học. CMHS toàn trường đồng ý nhất trí miễn hoặc giảm).

- Mức thu: 80.000đ/trẻ/tháng.

- Dự kiến số học sinh tham gia dịch vụ: 250 trẻ (bao gồm cả trẻ được miễn, giảm). Số 250 trẻ tính đến hết năm học,

- Cơ chế thu: Thu theo học kỳ.

- Thời gian thu: Thu theo kỳ. Học kỳ 1 là 4 tháng, học kỳ 2 là 5 tháng.

- Dự kiến số học sinh tham gia:

+ Học kỳ I khoảng 215 trẻ x 80.000đ = 17.200.000đ/tháng x 4 tháng = 68.880.000đ/ học kỳ I;

+ Học kỳ II khoảng 250 trẻ x 80.000đ = 20.000.000đ/tháng x 5 tháng = 100.000.000đ (trừ trừ số học sinh thuộc đối tượng được miễn, giảm nếu có). Cả năm thu khoảng 168.880.000đ). Tùy thuộc vào số trẻ đăng ký ăn bán trú.

- Cơ chế sử dụng: Dự kiến chi 80% cho người trực tiếp làm nhiệm vụ cấp dưỡng (trả lương cô nuôi 04 người), dự kiến chi 20% cho công tác quản lý, phục vụ.

c) Tiền quản lý học sinh ăn, ở bán trú

- Đối tượng thu: Học sinh ăn bán trú tại nhà trường.

- Mức thu: 5.000đ/trẻ/buổi.

- Dự kiến số học sinh tham gia dịch vụ: 230 trẻ.

- Cơ chế thu: Thu theo tuần hoặc tháng (tùy theo thỏa thuận với phụ huynh học sinh). Thu theo số lượng buổi học thực tế của trẻ.

- Dự kiến tổng số tiền khoảng: 15.500.000đ/tháng (phụ thuộc tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần và ăn bán trú tại trường).

- Cơ chế sử dụng: Chi 70% cho người trực tiếp chăm sóc học sinh, 10% cho công tác quản lý, phục vụ; 10% cho việc bảo trì cơ sở vật chất; 10% cho đơn vị thực hiện nguồn tăng thu nhập.

d) Mua đồ dùng bán trú

- Đối tượng thu: Học sinh bán trú tại nhà trường

- Mức thu:

+ Đối với học sinh tuyển mới: 200.000đ/trẻ/năm học.

+ Đối với học sinh đã học tại trường năm học trước: 100.000đ/trẻ/năm học.

- Dự kiến số học sinh tham gia dịch vụ: 250 trẻ.

Trong đó khoảng 70 học sinh mới x 200.000đ/trẻ = 14.000.000đ; học sinh cũ khoảng 180 học sinh x 100.000đ = 18.000.000đ.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học, thu vào đầu năm học.

- Thời gian thu: Đầu năm học.

- Dự kiến tổng số tiền khoảng: 32.000.000đ/năm học.

- Cơ chế sử dụng: Chi mua sắm mới, bổ sung do hao mòn các vật dụng phục vụ bán trú. *(có biên bản rà soát và phiếu đề xuất các lớp kèm theo)*.

2.2. Gửi trẻ ngoài giờ chính khóa, ngày thứ bảy, ngày chủ nhật hoặc trong thời gian nghỉ hè *(Theo nhu cầu và thỏa thuận của PHHS)*

(1) Mức thu: 30.000đ/ngày, tương đương 660.000đ/tg *(chưa kể tiền ăn)*.

(2) Đối tượng thu: Học sinh tham gia học trong thời gian nghỉ hè.

(3) Cơ chế thu: Thu theo tháng.

(4) Thời gian thu: Đầu tháng.

(5) Dự kiến chi: Chi 65% kinh phí cho người trực tiếp giáo dục trẻ, 15% cho công tác quản lý, phục vụ; 10% cho bảo trì cơ sở vật chất, 08% cho đơn vị tăng nguồn thu nhập, 02% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.3. Nước uống cho học sinh và vệ sinh trường học

a) Nước uống cho học sinh

- Đối tượng thu: Học sinh tham gia học tập tại trường.

- Mức thu: 7.000đ/trẻ/tháng tương đương 63.000đ/trẻ/năm học (9 tháng).

- Dự kiến số học sinh tham gia dịch vụ: 250 trẻ.

- Cơ chế thu: Thu theo năm học.

- Thời gian thu: Đầu năm học.

- Dự kiến tổng số tiền khoảng: 15.750.000đ/năm học.

- Dự kiến chi: Mua máy lọc nước 2 chiều bên nóng, bên lạnh, chi mua sắm trang thiết bị phục vụ nước uống cho học sinh và công tác bảo dưỡng sửa chữa trang thiết bị về nước uống cho học sinh.

b) Vệ sinh trường học

- Mức thu: 10.000đ/trẻ/tháng tương đương 90.000đ/trẻ/năm học (9 tháng).
- Đối tượng thu: Học sinh tham gia học tập tại trường.
- Dự kiến số học sinh tham gia dịch vụ: 250 trẻ.
- Cơ chế thu: Thu theo năm học.
- Thời gian thu: Đầu năm học.
- Dự kiến tổng số tiền khoảng: 22.500.000đ/năm học.
- Cơ chế sử dụng: Chi trả thù lao cho 01 người lao động vệ sinh (Trường chính và điểm trường) Dự kiến mức lương 2.000.000đ/tháng x 9 tháng = 18.000.000đ. Số kinh phí còn lại mua sắm vật tư thiết bị đồ dùng vệ sinh như: Chổi, xô, thùng đựng rác, dung dịch sát khuẩn, nước rửa tay, nước tẩy rửa, giấy vệ sinh, xà phòng...v.v.

2.4. Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị trong lớp học ngoài quy định của nhà nước.

- Mức thu: 6.000đ/trẻ/tháng tương đương 54.000đ/trẻ/năm học (9 tháng).
- Dự kiến số học sinh tham gia dịch vụ: 250 cháu.
- Cơ chế thu: Theo năm học.
- Thời gian thu: Đầu năm học.
- Dự kiến tổng số tiền: 13.500.000 đ/năm.
- Cơ chế sử dụng: Chi mua mới, sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế, các thiết bị điện trong lớp học, khu trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, phòng hoạt động Stim, phòng hoạt động âm nhạc, phòng hoạt động thể chất. (Sử dụng điện có liên quan đến các hoạt động phục vụ trẻ).

3. Dịch vụ hỗ trợ

3.1. Dạy cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tổ chức các lớp năng khiếu, nghệ thuật cho trẻ tại trường (Thỏa thuận của PHHS)

- Mức thu: 8.000đ/trẻ/tiết/tuần
- Đối tượng thu: Học sinh khối 4T-5T; 5T-6T tham gia học tại trường. (riêng đối với trẻ em bị khuyết tật tàn tật miễn 100%).
- Cơ chế thu: Thu theo tháng học.
- Thời gian thu: Vào đầu tuần học của tháng.

- Dự kiến số học sinh tham gia: 128 cháu (*chưa bao gồm cả trẻ em được, miễn, giảm*).

- Dự kiến chi: 67% kinh phí cho người trực tiếp giảng dạy; 13% cho quản lý, phục vụ; 10% cho công tác bảo trì cơ sở vật chất; 8% cho đơn vị thực hiện nguồn tăng thu nhập; 2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.2. Tham gia HĐ trải nghiệm (*Thỏa thuận của CMHS*)

4. Việc xem xét miễn giảm cho các đối tượng học sinh được hưởng chế độ chính sách nhà nước cấp. Có kế hoạch miễn, giảm đối với học sinh có hoàn cảnh thật sự khó khăn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với nhà trường

- Thành lập Hội đồng đề xuất các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh Hà Giang;

- Xây dựng dự thảo Kế hoạch đề xuất các khoản thu dịch vụ, báo cáo Hội đồng trường thẩm định.

- Trình dự thảo Kế hoạch UBND, kế hoạch đề xuất các khoản thu dịch vụ.

- Sau khi Kế hoạch được phê duyệt, nhà trường tiến hành thông báo tới phụ huynh học sinh, tổ chức họp với cha mẹ học sinh, triển khai, thống nhất các nội dung thực hiện.

2. Đối với Hội đồng trường

- Tổ chức họp xét, thảo luận, thống nhất, thông qua dự thảo kế hoạch đề xuất các khoản thu dịch vụ.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình theo quy định.

3. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Cử đại diện tham gia Hội đồng đề xuất các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ.

- Phối hợp tốt với nhà trường trong việc phổ biến, thông tin rộng rãi mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc và việc quản lý sử dụng các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ tới toàn bộ cha mẹ học sinh trong trường.

- Tham gia đề xuất các giải pháp hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế để học sinh được tham gia đầy đủ hoạt động của nhà trường.

4. Đối với VCQL, giáo viên và nhân viên

- Tích cực tuyên truyền về nội dung chủ trương Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh, Hướng dẫn số 1767/HD-

UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Hà Giang; Kế hoạch đề xuất các khoản thu dịch vụ của nhà trường tới toàn thể phụ huynh, nhân dân được biết.

- Tham gia đề xuất các giải pháp hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế để học sinh được tham gia đầy đủ hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện theo kế hoạch của nhà trường đã đề ra.

- Kế hoạch này thực hiện đến khi có Nghị quyết mới của HĐND tỉnh Tuyên Quang thay thế NQ 33/2021.

Trên đây là Kế hoạch đề xuất các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong năm học 2025-2026. của trường Mầm non Vĩnh Tuy./.

Nơi nhận:

- UBND xã Vĩnh Tuy (phê duyệt);
- Phòng văn hóa-xã hội (b/c);
- Hội đồng trường MN Vĩnh Tuy;
- Ban ĐD CMHS nhà trường;
- Hội đồng đề xuất các khoản thu theo NQ33;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Nhẫn